TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HN-ST
Ngày: 28-4-2022
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Xuân Nhàn

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng

- **Thư ký phiên tòa**: bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa**: bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 85/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HN ngày 08/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Cẩm M, sinh năm 1997; địa chỉ số B12e, khu phố B, phường B1, thị xã T, tỉnh B2 (vắng có đơn).

2. Bị đơn: anh Tống Viết K, sinh năm 1987; địa chỉ ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Cẩm M trình bày:

Chị và anh K tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã T, tỉnh B1 vào ngày 15/01/2018. Thời gian đầu, hai bên chung sống rất hạnh phúc. Đến năm 2020, do bất đồng quan điểm, anh K không quan tâm vợ con và có người phụ nữ khác nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không liên lạc với nhau, gia đình hai bên cũng không có ý kiến. Do hiện nay hai bên không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh K. Con chung là Tống Bảo T sinh ngày 13/5/2018 hiện ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con, tự

nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình tố tụng, anh Tống Viết K trình bày:*

Anh và chị M tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, hai bên sống chung với gia đình vợ tại tỉnh Bình Dương nhưng thỉnh thoảng vẫn có về quê anh thuộc xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre sinh sống. Đến năm 2020, từ sự việc anh đi chấp hành án, chị M bắt đầu thay đổi tình cảm, không còn chung thủy với anh và sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, do chị M cố tình né tránh nên hai bên không có điều kiện hòa giải, gia đình hai bên cũng không có ý kiến. Hiện nay mặc dù anh vẫn còn tình cảm với vợ và thương con nhưng do chị M không có thiện chí hàn gắn nên đồng ý ly hôn. Con chung Tống Bảo T sinh ngày 13/5/2018 hiện ở với chị M. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng, nhưng anh có quyền thăm con. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

Chị Trần Cẩm M, anh Tống Viết K vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: tất cả các trình tự về thủ tục tố tụng dân sự được Thẩm phán thực hiện đúng, đầy dủ theo quy định tại các điều 35, 68, 96, 97, 195, 196, 203, 209, 210, 211, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự (ghi tắt là BLTTDS) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công Ki chứng cứ và hòa giải ngày 25/3/2022 là chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

- Về nội dung: căn cứ quy định tại các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M. Chị M được ly hôn với anh K.

+ Về con chung: giao cháu Tống Bảo T sinh ngày 13/5/2018 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Về tài sản chung: không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công Ki các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: do chị M và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường Bình Nhâm, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương vào ngày 15/01/2018 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị M không có thiện chí hàn gắn, anh K không có biện pháp hòa giải. Trong quá trình tố tụng, chị M xác định không còn tình cảm với anh K, hai bên không có khả năng hòa giải và giữ nguyên yêu cầu ly hôn; anh K mặc dù cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị M nhưng cũng xác định hai bên không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn; cả hai đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Tống Bảo T sinh ngày 13/5/2018. Xét thấy, từ khi chị M và anh K ly thân cho đến nay, cháu T do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định. Và tính đến thời điểm xét xử, con chung vẫn còn nhỏ; anh K cũng không tranh chấp và đồng ý giao cho chị M nuôi dưỡng. Do đó xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị M là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị M tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: cả hai Ki không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị M phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Cẩm M được ly hôn với anh Tống Viết K.

2/- Con chung: Tống Bảo T sinh ngày 13/5/2018.

Giao Tống Bảo T sinh ngày 13/5/2018 cho chị Trần Cẩm M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị M tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/- Tài sản chung, nợ chung: cả hai Ki không có nên không xem xét.

4/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Trần Cẩm M phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004771 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Do đó, án phí sơ thẩm, chị M đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đặng Thị Ngọc Duyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện;
- UBND phường B, thị xã T, tỉnh B;
- Lưu.